TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 01 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Bà Lương Thị Thu An

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hồ Thị Thanh Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 113/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023 về việc"Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXX-ST ngày 02/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 17/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Quách Thị V, sinh năm 1970

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 2, khu phố 1, phường T1, thị xã C, tỉnh Bình Phước.

Bà V có mặt, ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Quách Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông T chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 1991 tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/01/1991. Trước khi kết hôn cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống ở xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Năm 2003 vợ chồng chuyển vào xã T1, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước (Nay thuộc phường T1, thị xã Chơn Thành). Thời gian đầu thì vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống cũng như trong kinh tế gia đình, nhiều lần vợ chồng cả vã xung đột, ông T còn có quan hệ với người phụ nữ khác, bà V khuyên ngăn để gia đình hạnh phúc nhưng không được. Chính điều này làm cho tình

cảm vợ chồng căng thẳng và không thể tiếp tục chung sống được với nhau và ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Vì vậy bà V yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Thuyết.

Về con chung: Quá trình chung sống bà V và ông T có 02 người con chung tên con chung tên Lê Văn M, sinh năm 1991 và Lê Văn M1, sinh năm 1993. Hiện hai con chung đã trưởng thành nên bà V không yêu cầu Tòa án gải quyết.

Về tài sản chung: Bà V và ông T có tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà V trình bày không có.

Bị đơn ông Lê Văn T trình bày: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Thuyết, thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ cho ông T đến Tòa án làm việc, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T vắng mặt, không có lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu nào của ông Thuyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà Quách Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không cung cấp bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông Lê Văn T vắng mặt không có lý do.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của các đương sự, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật tại các Điều 69, 70, và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không chấp đúng quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Về hôn nhân: Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà Quách Thị V ly hôn với ông Lê Văn Thuyết.

Về con chung: Có 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án gải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và của các đương sự, Tòa án nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị V và trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy bà V yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Do bị đơn ông Lê Văn T đang cư trú tại khu phố 1, phường Thành Tâm, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước nên Tòa án nhân dân thị xã Chơn

Thành có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Lê Văn T vắng mặt đến lần thứ 2 mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Do đó, căn cứ tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Quách Thị Vân, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Quách Thị V và ông Lê Văn T chung sống và kết hôn tại UBND xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, đe dọa, lừa dối. Do đó căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì hôn nhân giữa bà V và ông T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, bà V cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cả vã, xung đột, ông T lại có tình cảm với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng ngày càng căng thẳng, không còn quan tâm và chung sống được nên ly thân từ năm 2020 đến nay. Để xác định mâu thuẫn gia đình, Tòa án tiến hành xác minh vào ngày 10/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng ông T không tham gia làm việc, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Quách Thị V.

[2.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà V và ông T có 02 con chung tên tên Lê Văn M, sinh năm 1991 và Lê Văn M1, sinh năm 1993. Hiện 02 con chung đã trưởng thành. Bà V không yêu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4].Về nợ chung: Bà V xác định không có nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Quách Thị V phải chịu án phí hôn nhân. Ông T không phải chịu án phí sơ thẩm.

[2.6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 235, Điều 266, 271, 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 3 Điều 81, Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị V, giải quyếtt cho bà Quách Thị V được ly hôn với ông Lê Văn T.

2. Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Quách Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012459 ngày 04/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

6. Về kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND thị xã Chơn Thành;
- Chi cục THADS thị xã Chơn Thành;
- UBND xã Mai Hùng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Văn Ngọc